

Ch S, ngày 28 tháng 8 năm 2018

Số: 72/2018/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 109/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh S, sinh năm 1984.

Bị đơn: Anh Lê Viết Anh A, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ : Số 06 Hoàng Quốc V, tổ dân phố 3, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Minh S và anh Lê Viết Anh A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Trần Thị Minh S và anh Lê Viết Anh A có 01 con chung là cháu: Lê Viết Anh Kh, sinh ngày 04/9/2016. Hiện nay cháu đang ở với chị S. Giao cho chị S trực tiếp nuôi con chung là cháu: Lê Viết Anh Kh, sinh ngày 04/9/2016 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Viết Anh A có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi cháu Kh cùng chị S mỗi tháng 2.000.000đ kể từ ngày 01/9/2018 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự,

không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị S có quyền nhận khoản tiền trên để nuôi cháu Khoa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Vì lợi ích của con chung: Chị Trần Thị Minh S và anh Lê Viết Anh A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung; anh A có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở việc anh thực hiện quyền này. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Minh S và anh Lê Viết Anh A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50% án phí sơ thẩm, chị S tự nguyện nộp thay toàn bộ phần án phí mà anh A phải nộp, nên phần án phí mà chị S phải nộp (gồm án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm) là: 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp trước đây, theo biên lai số 0007538 ngày 19/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. (Chị S đã nộp đủ tiền án phí).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Ch S (02 bản);
- UBND thị trấn Ch S, huyện Ch S (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản);

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Hiếu

